

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2017/DS-ST
Ngày 11/7/2017
V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
thanh toán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Ông Nguyễn Văn Gạt*
- 2. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm*

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 11/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2017 về việc kiện đòi tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2017/QĐST-DS ngày 22/6/2017 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc A, sinh năm 1965. Địa chỉ cư trú: Tổ 1, thôn Q, xã C, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Ông A có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Phan Minh T, sinh năm 1966. Địa chỉ cư trú: Tổ 4, thôn Q, xã C, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trần Ngọc A trình bày:

Xuất phát từ việc là bạn bè của nhau nên khi ông T nhận thầu xây dựng các công trình nhà ở thì giao trọn gói cho ông A thi công hạng mục điện nước. Hai bên không ký hợp đồng xây dựng trọn gói gì mà chỉ thỏa thuận miệng, theo đó, ông A chịu trách nhiệm thi công phần điện nước còn toàn bộ nguyên vật liệu thi công điện nước đều do ông T cung cấp cho ông A. Từ năm 1996 đến năm 2009, ông A đã nhận thi công điện nước theo hình thức trọn gói đối với các công trình ông T nhận thầu. Mỗi công trình có tạm ứng, thanh toán nhưng do không được thanh toán đầy đủ nên ông T còn nợ ông A với tổng số tiền là 245.362.000 đồng (bao gồm tiền công thi công và tiền ông A ứng trước cho ông T vay để mua hóa đơn và mua vật tư thiếu trong quá trình thi công). Ngày 07/4/2014, ông T viết giấy xác nhận công nợ cho ông A với số tiền nêu trên. Ngày 15/10/2016, ông T ký giấy hẹn trả nợ số tiền 245.362.000 đồng cho ông A trong vòng 60 ngày kể từ ngày 15/10/2016. Ông A đã nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ nhưng đến nay ông T

chưa trả được đồng nào. Số nợ này không liên quan gì đến vợ ông A và vợ ông T nên ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ là 245.362.000 đồng, ông không yêu cầu tiền lãi.

Tại bản tự khai, bị đơn ông Phan Minh T thừa nhận đến nay ông còn nợ ông A tiền công thi công và tiền ông A ứng trước cho ông T vay để mua hóa đơn và mua vật tư thiếu trong quá trình thi công là 245.362.000 đồng. Giấy xác nhận công nợ đề ngày 17/4/2014, giấy hẹn trả nợ đề ngày 15/10/2016 đều do ông ký xác nhận nhưng do vật tư trượt giá, làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả số nợ trên cho ông A. Ông T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đơn đề nghị xác nhận ngày 31/3/2017 của ông A; bản gốc giấy hẹn trả nợ ngày 15/10/2016; bản gốc giấy xác nhận công nợ ngày 07/4/2014; bản sao sổ hộ khẩu tên chủ hộ Trần Ngọc A; bản sao chứng minh nhân dân Trần Ngọc A; bản tự khai ngày 09/5/2017 của ông Phan Minh T; bản tự khai ngày 05/5/2017 của ông Trần Ngọc A; giấy tự khai với tòa ngày 31/5/2017 của ông Trần Ngọc A, giấy phân tích tiền công và tiền nợ vật tư, bảng tổng hợp tiền ứng, tiền nhân công của các công trình từ năm 1996 đến năm 2009.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết các bên đã thống nhất: Ông T xác nhận đến nay còn nợ ông A tiền công thi công và tiền ông A ứng trước cho ông T vay để mua hóa đơn và mua vật tư thiếu trong quá trình thi công là 245.362.000 đồng.

Tòa án triệu tập ông T hợp lệ lần thứ nhất, lần thứ hai nhưng ông T vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ giấy xác nhận nợ, giấy hẹn trả nợ nên ông A kiện đòi tiền đối với ông T nhưng tại phiên tòa, Tòa án đã làm rõ và xác định đây là yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự; Ông Phan Minh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Mặc dù không có Giấy cho vay tiền để mua vật tư, không có Hợp đồng trọn gói thi công công trình điện nước của từng công trình nhưng căn cứ bản gốc bảng tổng hợp tiền ứng, bản gốc tiền nhân công của các công trình (có chữ ký xác nhận của ông A và ông T), bản gốc giấy xác nhận công nợ ngày 07/4/2014 do ông T ký, bản gốc giấy hẹn trả nợ ngày 15/10/2016

do ông T ký và sự thừa nhận của ông T tại bản tự khai, tại phiên hòa giải, Tòa án có cơ sở nhận định ông T còn nợ Ánh tiền công thi công và tiền ông A ứng trước cho ông T vay để mua hóa đơn và mua vật tư thiếu trong quá trình thi công là 245.362.000 đồng. Do ông A không yêu cầu về tiền lãi nên Tòa án không xem xét mà chỉ giải quyết đối với số nợ gốc là 245.362.000 đồng. Việc ông T cho rằng do vật tư trượt giá, làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả số nợ trên cho ông A là không thể chấp nhận được. Do đó, Tòa án căn cứ giấy hẹn trả nợ ngày 15/10/2016, căn cứ Điều 474, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 113, 137, 144 của Luật xây dựng năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc A đối với ông Phan Minh T, buộc ông T phải có nghĩa vụ trả một lần cho cho ông A 245.362.000 đồng nợ gốc.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A nên ông T phải chịu 245.362.000 đồng x 5% = 12.268.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông A 6.134.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3089 ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 474, 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 113, 137, 144 của Luật xây dựng năm 2014; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc A. Buộc ông Phan Minh T trả cho ông Trần Ngọc A 245.362.000 đồng nợ gốc.

2. Về án phí: Ông Phan Minh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.268.100 đồng. Hoàn trả cho ông Trần Ngọc A 6.134.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3089 ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Về nghĩa vụ chậm thanh toán: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H.Hòa Vang;
- Chi cục THADS H.Hòa Vang;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VT.

THẨM PHÁN

LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG